**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG**
**TRƯỜNG TH-THCS-THPT EDISON**

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN THỰC HIỆN CÔNG KHAI NĂM HỌC 2024 - 2025

*Hải Phòng, tháng 9 năm 2024*

SỞ GD&ĐT HẢI PHÒNG
**TRƯỜNG TH-THCS-THPT EDISON**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 90/BC-EDS

*Hải Phòng, ngày 27 tháng 9 năm 2024*

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

## *THỰC HIỆN CÔNG KHAI NĂM HỌC 2024 - 2025*

Căn cứ thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GD&ĐT về Ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Công văn số 2941/SGDĐT-KTKĐ ngày 24/9/2024 của Sở GD&ĐT về hướng dẫn thực hiện Quy định về công khai đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT.

Trường TH-THCS-THPT Edison báo cáo thực hiện công khai về các mặt của nhà trường trong năm học 2024-2025 như sau:

**1. Tên cơ sở giáo dục: Trường TH-THCS-THPT Edison**

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

- Số 196/143 Trường Chinh – Kiến An – Hải Phòng
- Hotline: 0313.550.756

**I. CÔNG KHAI THÔNG TIN CHUNG (2) ) – TRƯỜNG TH-THCS-THPT EDISON NĂM HỌC 2024 – 2025** ***(Kèm theo Quyết định số 89/QĐ-EDS ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Hiệu trưởng trường THTHCS-THPT EDISON)***

**1. Tên cơ sở giáo dục: Trường TH-THCS-THPT Edison**

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

- Số 196/143 Trường Chinh – Kiến An – Hải Phòng
- Hotline: 0313.550.756

**3.** Gmail: th-thcs-thpt-edison@haiphong.edu.vn

**4.** Website: edisonhp.edu.vn

**5. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý trực tiếp:**

- Loại hình: Tư thục.
- Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng

**6. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.**

**6.1 Sứ mạng**:

Tạo dựng môi trường giáo dục kỉ cương, nề nếp, trách nhiệm, tích cực và thân thiện; trang bị kĩ năng sống, học tập và làm việc trong môi trường năng động, giúp mỗi học sinh thành người có khả năng làm chủ bản thân, tự định hướng vươn lên, có ngoại ngữ và tin học, có bản lĩnh và trí tuệ để lập thân, lập nghiệp, hội nhập với cộng đồng tiên tiến, đóng góp có ý nghĩa cho xã hội.

**6.2. Tầm nhìn:**

Là một trong những trường hàng đầu về phương thức giáo dục toàn diện trong hệ thống giáo dục phổ thông, nơi mà học sinh sẽ lựa chọn để học tập, rèn luyện, hoàn thiện nhân cách, có trí thức, có khát vọng hiểu biết, khám phá và tư duy sáng tạo, có phương pháp tự học, tự đổi mới suốt đời; là nơi quy tụ tập thể thầy cô giáo xuất sắc, giỏi chuyên môn, tâm huyết với nghề, giúp quý cha mẹ học sinh và học sinh hiếu học gửi trọn niềm tin.

**6.3. Mục tiêu:**

Xây dựng và phát triển nhà trường theo mô hình chất lượng cao, tạo lập một thương hiệu có đẳng cấp bền vững, hội nhập với nền giáo dục hiện đại, tiên tiến trong nước và quốc tế, là địa chỉ tin cậy của ngành giáo dục thành phố Hải Phòng.

**7. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.**

**7.1. Lịch sử hình thành nhà trường**

Năm thành lập: 10/10/2018

Tên gọi: Trường TH-THCS-THPT Edison

Ban sáng lập: Ông Vũ Đức Lập, bà Lê Thị Thu Huyền, ông Phạm Trường Sơn, ông Đoàn Ngọc Trường, ông Bùi Ngọc Tấn và ông Vũ Thành Nam - là những người đồng sáng lập nhà trường

Địa điểm: Cơ sở 1: 196/143 Trường Chinh – Kiến An – Hải Phòng

Cơ sở 2: 25/3/5 Mạc Quyết – Anh Dũng – Dương Kinh – Hải Phòng

Những năm đầu hoạt động, học sinh còn ít, 100% giáo viên thỉnh giảng. Tuy nhiên, bằng tâm huyết, sự nỗ lực của Ban sáng lập, sự nhất trí cao của các bậc phụ huynh và sự mong mỏi của các em học sinh. Nhà trường đã quyết tâm xây dựng phát triển trường Th-THCS-THPT Edison trở thành địa điểm giáo dục chất lượng-uy tín.

**7.2. Sự phát triển của nhà trọìng**

- Năm chính thức hoạt động: 2019
- Tên gọi: Trường TH-THCS-THPT Edison
- Địa điểm chính thức: 196/143 Trường Chinh – Kiến An – Hải Phòng
- Tổng diện tích nhà trường:33.112.5$m^2$
- Hội đồng trường: Ông Vũ Đức Lập – Chủ tịch HĐT
- Số vốn đầu từ

+ Giai đoạn 2004-2012: 25 tỷ

+ Giai đoạn 2013- nay: 35 tỷ

- Các thành tích nổi bật của nhà trường

+ Trường được  Sở GD khen "Tập thể lao động Tiên Tiến"

+ 3 năm liên tục, từ 2021-2024: luôn là một trong ba trường đứng tốp thi đua đầu trong khối các trường Ngoài công lập

**8. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ**

- Họ và tên: Vũ Thị Nháng
- Chức vụ: Hiệu trưởng nhà trường
- Số điện thoại: 0904.382.979
- E-mail: Vuthinhang.camyeu@gmail.com

**9. Tổ chức bộ máy:**

**a. Quyết định thành lập và giai đoạn đổi tên loại hình trường.**

Quyết định số 1178/QĐ-UB ngày 10/10/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thành lập Trường TH-THCS-THPT Edison.

**b. Quyết định công nhận hội đồng trường:**

Quyết định công nhận chủ tịch hội đồng trường và các thành viên hội đồng Hội đồng trường: Quyết định số 991/QĐ-SGDĐT ngày 12/02/2022 Công nhận Hội đồng trường Trường Th-THCS-THPT Edison nhiệm kỳ 2022-2027.

Danh sách các thành viên hội đồng Hội đồng trường: 05 thành viên:

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Góp vốn đầu tọi |
|---|---|---|---|
| 1 | Ông Vũ Đức Lập | Chủ tịch HĐT | Nhà đầu tư |
| 2 | Bà Lê Thu Huyền | Ủy viên | Nhà đầu tư |
| 3 | Ông Đoàn Ngọc Trường | Ủy viên | Nhà đầu tư |
| 4 | Ông Bùi Ngọc Tuấn | Ủy viên | Nhà đầu tư |
| 5 | Bà Vũ Thị Nháng | Thư ký | Nhà đầu tư |

**c. Quyết định công nhận Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng:**

| TT | *Họ và tên* | Chức vụ | Quyết định công nhận | Năm công nhận | Số điện thoại |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Vũ Thị Nháng | Hiệu trưởng | Số: 839/QĐ-SGDĐT-TCCB | Năm 2021 | 0904.382.979 |
| 2 | Nguyễn Thị Xuân An | Phó Hiệu trưởng | Số: 110/QĐ-SGDĐT-TCCB | Năm 2024 | 0936.595.982 |

**d. Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; sơ đồ tổ chức bộ máy của trường.**

*** Quy chế tổ chức và hoạt động của trường (nội dung chính):**

- Hội đồng trường đại diện các nhà đầu tư; xây dựng chiến lược phát triển nhà trường; quy định trách nhiệm nghĩa vụ của các thành viên Hội đồng trường; ban kiểm soát, thực hiện theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục ban hành kèm theo Thông tư số: 40/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GDĐT. Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện luật dân chủ trong hoạt động nhà trường; thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục của nhà trường.

- Hiệu trưởng đề nghị thành lập các tổ chức chính trị, xã hội trong trường; thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, bổ nhiệm tổ trưởng, nhóm trưởng các tổ chuyên môn, văn phòng; Phân công các thành viên BGH quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; CSVC, VSMT... phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện theo yêu cầu Hội đồng trường và của các cấp có thẩm quyền quản lý học sinh và các hoạt động GD; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỉ luật học sinh. Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

*** Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường:**

- Trường có nhiệm vụ và quyền hạn như trường phổ thông công lập theo quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số: 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 và Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục, ban hành kèm theo Thông tư số: 40/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GDĐT.

- Trường tự chủ và tự chịu trách nhiệm về quy hoạch, kế hoạch phát triển; xây dựng và phát triển đội ngũ giáo viên; huy động, sử dụng và quản lý các nguồn lực để thực hiện mục tiêu giáo dục phổ thông.

- Trường có trách nhiệm báo cáo công khai các mặt hoạt động tài chính, giáo dục của nhà trường theo quy định tại Thông tư số 09/2004/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT và yêu câu của các cơ quan quản lý có thâm quyên.

- Trường thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

* **Sơ đồ tổ chức bộ máy:**

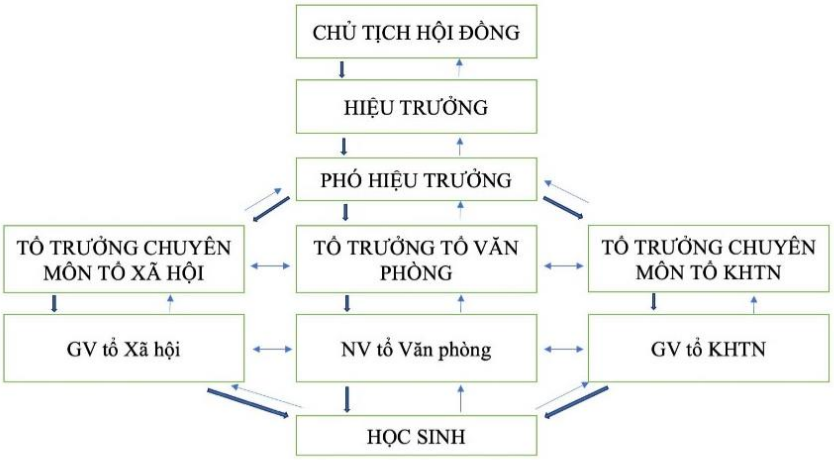


*SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC TRƯỜNG TH – THCS – THPT EDISON NĂM HỌC 2023 - 2024*

**đ. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thọ điện tử của ban lãnh đạo nhà trường.**

| TT | *Họ và tên* | Chức vụ | Số điện thoại | Thư điện tử |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Vũ Thị Nháng | Hiệu trưởng | 0904.382.979 | Vuthinhang.camyeu@gmail.com |
| 2 | Nguyễn Thị Xuân An | Phó Hiệu trưởng | 0936.595.982 | Nguyenxuanan2222@gmail.com |

**10. Các văn bản khác của nhà trường:**

- Quy chế tổ chức hoạt động;
- Chiến lược phát triển;
- Hợp đồng lao động;
- Quy chế dân chủ cơ sở (Thực hiện theo Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở số: 10/2022/QH ngày 10/11/2022);
- Thỏa ước lao động tập thể;
- Bộ quy tắc ứng xử;
- Nghị quyết của Hội đồng trường;
- Quyết định tăng lương theo thời hạn, trước thời hạn;
- Thông báo tuyển dụng…

**II. CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN – TRƯỜNG TH-THCS-THPT EDISON NĂM HỌC 2024 – 2025.**

*(Kèm theo Quyết định số 89/QĐ-THPTEDS ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Hiệu trưởng trường TH-THCS-THPT Edison)*

**- Giáo viên**

| TT | Nội dung | Số lượng | Trình độ đào tạo | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Đại học | Thạc sỹ | Tiến sỹ | Khác |
| 1 | Giáo viên cơ hữu | 28 | 23 | 05 | | |
| 2 | Giáo viên thỉnh giảng | 30 | 20 | 10 | | |
| | **Tổng cộng** | 58 | 45 | 13 | | |

**- Nhân viên**

| TT | Nội dung | Số lượng | Ghi chú |
|---|---|---|---|

| | | | |
|---|---|---|---|
| **1** | - Bộ phận hành chính | **15** | |
| **2** | - Cán bộ thí nghiệm, thiết bị | **01** | |
| **3** | - Cán bộ thư viện | **01** | |
| | Tổng số nhân viên | **40** | |
| | *Trong đó:*<br>*- Nhân viên cơ hữu: 40*<br>*- Tỷ lệ 100%* | | |

**- Các tổ chức trong nhà trường**

+ Chi bộ: 01 ( Số đảng viên 06 người)

+ Công đoàn: 01 ( Số đoàn viên công đoàn 31 người)

+ Đoàn TN CSHCM: 28 chi đoàn ( Số đoàn viên 420 người)

## III. CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TÀI LIỆU HỌC TẬP SỬ DỤNG CHUNG – TRƯỜNG TH-THCS-THPT EDISON NĂM HỌC 2024 – 2025

*(Kèm theo Quyết định số 89/QĐ-THPTEDS ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Hiệu trưởng trường TH-THCS-THPT Edison)*

### 1. Phòng học và khối phòng học bộ môn

| TT | Nội dung | ĐVT | Tổng số | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| 1 | **Số phòng học văn hóa**<br>*Trong đó:* | | 34 | |
| | - Đủ tiêu chuẩn về kích thước phòng (tối thiểu 45m$^2$) | | 34 | |
| | - Số phòng học kiên cố | | 34 | |
| | - Số phòng học bán kiên cố (cấp 4) | | | |
| **2** | **Số phòng học bộ môn, thí nghiệm,** | | | |
| | **thực hành,** *trong đó:* | | | |
| | - Phòng học môn Vật lý | phòng | 01 | |
| | Diện tích | m2 | 65 | |
| | - Phòng học môn Hóa học | phòng | 01 | |
| | Diện tích | m2 | 65 | |
| | - Phòng học môn Sinh học | phòng | 01 | |
| | Diện tích | m2 | 65 | |
| | - Phòng học môn Công nghệ | phòng | 01 | |
| | Diện tích | m2 | 65 | |
| | - Phòng học môn Tin học | phòng | 02 | |
| | Diện tích | m2 | 65/01 phòng | |
| | - Phòng học môn Ngoại ngữ | phòng | | |
| | Diện tích | m2 | | |
| | - Phòng học môn Âm nhạc | phòng | 01 | |
| | Diện tích | m2 | 65 | |
| | - Phòng học môn Mỹ thuật | phòng | | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | Diện tích | m2 | | |
| | - Phòng học môn Đa chức năng | phòng | | |
| | Diện tích | m2 | | |
| | - Phòng học môn Khoa học xã hội | phòng | | |
| | Diện tích | m2 | | |
| **3** | **Tình hình trang thiết bị** | | | |
| | Tổng số máy vi tính, *trong đó*: | bộ | 60 | |
| | - Số máy vi tính dùng cho dạy và học | bộ | 60 | |
| | - Số máy vi tính kết nối Internet | bộ | 60 | |
| | Tổng số máy in | chiếc | 06 | |
| | Tổng số máy Photocopy | chiếc | 02 | |
| | Tổng số máy chiếu Projector | chiếc | 34 | |
| | Các loại thiết bị khác (nếu có) | chiếc | 02 màn hình Led | |

| | **Nội dung** | **Số lượng ($m^2$)** |
|---|---|---|
| **X** | **Nhà bếp** | 01 |
| **XI** | **Nhà ăn** | 01 |

| **XIV** | **Nhà vệ sinh** | **Giáo viên nam** | | **Giáo viên nữ** | | **Học sinh nam** | | **Học sinh nữ** | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Tổng số | Diện tích | Tổng số | Diện tích | Tổng số | Diện tích | Tổng số | Diện tích |
| 1 | Đạt chuẩn vệ sinh * | 6 | 20 | 06 | 20 | 05 | 30 | 05 | 30 |
| 2 | Chưa đạt chuẩn vệ sinh* | | | | | | | | |

*(*Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).*

| | **Nội dung** | **Có** | **Không** |
|---|---|---|---|
| **XV** | Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh | X | |
| **XVI** | Nguồn điện (lưới, phát điện riêng) | X | |
| **XVII** | Kết nối internet | X | |
| **XVIII** | Trang thông tin điện tử (website) của trường | X | |
| **XIX** | Tường rào xây | X | |

**XX. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong trường đã đợợc cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được nhà trường lựa chọn, sử dụng theo quy định của pháp luật**

**1. DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 10 NĂM 2024 – 2025**

| STT | TÊN SÁCH | TÊN BỘ SÁCH | TÁC GIẢ | NHÀ XUẤT BẢN |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Toán 10 | Cánh diều | Đỗ Đức Thái | NXB ĐH Sư Phạm |
| 2 | Ngữ Văn 10 | Cánh Diều | Đỗ Đức Thái | NXB ĐH Sư Phạm |
| 3 | Lịch Sử 10 | Cánh Diều | Đỗ Đức Thái | NXB ĐH Sư Phạm |
| 4 | Địa Lí 10 | Cánh Diều | Đỗ Đức Thái | NXB ĐH Sư Phạm |
| 5 | Giáo dục KT &PL 10 | Cánh Diều | Đỗ Đức Thái | NXB ĐH Sư Phạm |
| 6 | Vật lý 10 | Cánh Diều | Đỗ Đức Thái | NXB ĐH Sư Phạm |
| 7 | Hóa Học 10 | Cánh Diều | Đỗ Đức Thái | NXB ĐH Sư Phạm |
| 8 | Sinh Học 10 | Cánh Diều | Đỗ Đức Thái | NXB ĐH Sư Phạm |
| 9 | Tin Học 10 | Cánh Diều | Đỗ Đức Thái | NXB ĐH Sư Phạm |
| 10 | Âm Nhạc 10 | Cánh Diều | Đỗ Đức Thái | NXB ĐH Sư Phạm |
| 11 | Mĩ Thuật 10 | Cánh Diều | Đỗ Đức Thái | NXB ĐH Sư Phạm |
| 12 | Giáo dục thể chất 10 | Cánh Diều | Đỗ Đức Thái | NXB ĐH Sư Phạm |
| 13 | Quốc Phòng AN 10 | Cánh Diều | Đỗ Đức Thái | NXB ĐH Sư Phạm |
| 14 | Công nghệ 10 | Cánh Diều | Đỗ Đức Thái | NXB ĐH Sư Phạm |
| 15 | Tiếng Anh 10 | Global Success | Hoàng Văn Vân | NXB GD Việt Nam |
| 16 | Hoạt động TNHN 10 | Cánh Diều | Đỗ Đức Thái | NXB ĐH Sư Phạm |

**2. DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 11 NĂM 2024 – 2025**

| TT | Tên sách | Tên bộ sách | Chủ biên | TRƯỜNG THPT EDISON |
|---|---|---|---|---|
| 1 | TOÁN 11 | Kết nối tri thức với cuộc sống | | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | | Cánh diều | - Đỗ Đức Thái | 1 |
| | | Chân trời sáng tạo | | |
| 2 | NGỮ VĂN 11 | Kết nối tri thức với cuộc sống | | |
| | | Cánh diều | - Lã Nhâm Thìn<br>- Đỗ Ngọc Thống | 1 |
| | | Chân trời sáng tạo | | |
| 3 | TIẾNG ANH 11 Global Success | Kết nối tri thức | - Hoàng Văn Vân<br>- Hoàng Thị Xuân Hoa | 1 |
| | TIẾNG ANH 11 Explore New Worlds | Cánh diều | | |
| 4 | LỊCH SỬ 11 | Kết nối tri thức với cuộc sống | | |
| | | Cánh diều | - Đỗ Thanh Bình<br>- Nguyễn Văn Bình | 1 |
| | | Chân trời sáng tạo | | |
| 5 | ĐỊA LÍ 11 | Kết nối tri thức với cuộc sống | | |
| | | Cánh diều | - Lê Thông<br>- Nguyễn Minh Tuệ | 1 |
| | | Chân trời sáng tạo | | |
| 6 | GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 11 | Kết nối tri thức với cuộc sống | | |
| | | Cánh diều | - Nguyễn Thị Mỹ Lộc | 1 |
| | | Chân trời sáng tạo | | |
| 7 | VẬT LÝ 11 | Kết nối tri thức với cuộc sống | | |
| | | Cánh diều | - Nguyễn Văn Khánh | 1 |
| | | Chân trời sáng tạo | | |
| 8 | HÓA HỌC 11 | Kết nối tri thức với cuộc sống | | |
| | | Cánh diều | - Trần Thành Huế<br>-Vũ Quốc Trung | 1 |
| | | Chân trời sáng tạo | | |
| 9 | SINH HỌC 11 | Kết nối tri thức với cuộc sống | | |
| | | Cánh diều | - Mai Sỹ Tuấn<br>- Đinh Quang Báo | 1 |
| | | Chân trời sáng tạo | | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 10 | TIN HỌC 11 | Kết nối tri thức với cuộc sống | | |
| | | Cánh diều | - Hồ Sỹ Đàm<br>- Nguyễn Đình Hóa | 1 |
| | | Chân trời sáng tạo | | |
| 11 | ÂM NHẠC 11 | Kết nối tri thức với cuộc sống | | |
| | | Cánh diều | | |
| | | Chân trời sáng tạo | | |
| 12 | MĨ THUẬT 11 | Kết nối tri thức với cuộc sống | | |
| | | Cánh diều | | |
| | | Chân trời sáng tạo | | |
| 13 | GIÁO DỤC THỂ CHẤT 11 | CẦU LÔNG -<br>Kết nối tri thức với cuộc sống | | |
| | | BÓNG ĐÁ -<br>Kết nối tri thức với cuộc sống | | |
| | | BÓNG CHUYỀN - Chân trời sáng tạo | | |
| | | BÓNG RỔ -<br>Chân trời sáng tạo | | |
| | | BÓNG ĐÁ -<br>Cánh diều | - Đinh Quang Ngọc | 1 |
| | | ĐÁ CẦU -<br>Cánh diều | | |
| | | BÓNG RỔ -<br>Cánh diều | | |
| | | CẦU LÔNG -<br>Cánh diều | - Đinh Quang Ngọc | 1 |
| 14 | QUỐC PHÒNG AN NINH 11 | Kết nối tri thức với cuộc sống | | |
| | | Cánh diều | - Nguyễn Thiện Minh<br>- Lê Hoài Nam | 1 |
| | | Chân trời sáng tạo | | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 16 | CÔNG NGHỆ 11 (Công nghệ trồng trọt) | Kết nối tri thức với cuộc sống | | |
| | | | | |
| | | Cánh diều | - Nguyễn Trọng Khanh<br>-Nguyễn Tất Thắng | 1 |
| | | Chân trời sáng tạo | | |
| 17 | HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 7 | Chân trời sáng tạo | | |
| | | Cánh diều | - Nguyễn Dục Quang<br>- Vũ Đình Bảy | 1 |
| | | Kết nối tri thức với cuộc sống | | |

**3. DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 12 NĂM 2024 – 2025**

| TT | Tên sách | Tên bộ sách | Chủ biên | TRƯỜNG THPT EDISON |
|---|---|---|---|---|
| 1 | TOÁN 12 | Kết nối tri thức với cuộc sống | | |
| | | Cánh diều | - Đỗ Đức Thái | 1 |
| | | Chân trời sáng tạo | | |
| 2 | NGỮ VĂN 12 | Kết nối tri thức với cuộc sống | | |
| | | Cánh diều | - Lã Nhâm Thìn<br>- Bùi Minh Đức | 1 |
| | | Chân trời sáng tạo | | |
| 3 | TIẾNG ANH 12 Global Success | Kết nối tri thức | - Hoàng Văn Vân | 1 |
| | TIẾNG ANH 12 Explore New Worlds | Cánh diều | | |
| 4 | LỊCH SỬ 12 | Kết nối tri thức với cuộc sống | | |
| | | Cánh diều | - Đỗ Thanh Bình<br>- Nguyễn Văn Ninh | 1 |
| | | Chân trời sáng tạo | | |
| 5 | ĐỊA LÍ 12 | Kết nối tri thức với cuộc sống | | |
| | | Cánh diều | - Lê Thông | 1 |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | | Chân trời sáng tạo | | |
| 6 | GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 12 | Kết nối tri thức với cuộc sống | | |
| | | Cánh diều | - Nguyễn Thị Mỹ Lộc<br>- Phạm Việt Thắng | 1 |
| | | Chân trời sáng tạo | | |
| 7 | VẬT LÝ 12 | Kết nối tri thức với cuộc sống | | |
| | | Cánh diều | - Nguyễn Văn Khánh | 1 |
| | | Chân trời sáng tạo | | |
| 8 | HÓA HỌC 12 | Kết nối tri thức với cuộc sống | | |
| | | Cánh diều | - Trần Thành Huế<br>- Dương Bá Vũ | 1 |
| | | Chân trời sáng tạo | | |
| 9 | SINH HỌC 12 | Kết nối tri thức với cuộc sống | | |
| | | Cánh diều | - Đinh Quang Báo | 1 |
| | | Chân trời sáng tạo | | |
| 10 | TIN HỌC 12 | Kết nối tri thức với cuộc sống | | |
| | | Cánh diều | - Hồ Sỹ Đàm<br>- Hồ Cẩm Hà | 1 |
| | | Chân trời sáng tạo | | |
| 11 | ÂM NHẠC 12 | Kết nối tri thức với cuộc sống | | |
| | | Cánh diều | - Nguyễn Hoàng Hậu<br>- Tạ Hoàng Mai | 1 |
| | | Chân trời sáng tạo | | |
| 12 | MĨ THUẬT 12 | Kết nối tri thức với cuộc sống | | |
| | | Cánh diều | | |
| | | Chân trời sáng tạo | | |
| | | CẦU LÔNG - Kết nối tri thức với cuộc sống | | |
| | | BÓNG ĐÁ - Kết nối tri thức với cuộc | | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 13 | GIÁO DỤC THỂ CHẤT 12 | sống | | |
| | | BÓNG CHUYỀN - Chân trời sáng tạo | | |
| | | BÓNG RỔ - Chân trời sáng tạo | | |
| | | BÓNG ĐÁ - Cánh diều | - Đinh Quang Ngọc | 1 |
| | | ĐÁ CẦU - Cánh diều | | |
| | | BÓNG RỔ - Cánh diều | | |
| | | CẦU LÔNG - Cánh diều | - Đinh Quang Ngọc | 1 |
| 14 | QUỐC PHÒNG AN NINH 12 | Kết nối tri thức với cuộc sống | | |
| | | Cánh diều | - Nguyễn Thiện Minh<br>- Lê Hoài Nam | 1 |
| 16 | CÔNG NGHỆ 12 (Công nghệ trồng trọt) | Kết nối tri thức với cuộc sống | | |
| | | | | |
| | | Cánh diều | - Nguyễn Trọng Khanh<br>-Nguyễn Tất Thắng | 1 |
| | | Chân trời sáng tạo | | |
| 17 | HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 12 | Chân trời sáng tạo | | |
| | | Cánh diều | - Nguyễn Dục Quang<br>- Vũ Đình Bảy | 1 |
| | | Kết nối tri thức với cuộc sống | | |

**IV. CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC - TRƯỜNG TH-THCS- THPT EDISON – NĂM HỌC 2023 – 2024**

*(Kèm theo Quyết định số 89/QĐ-THPTEDS ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Hiệu trưởng trường TH-THCS-THPT Edison)*

**1. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG:**

**Kết quả tự đánh giá theo Thông tư hiện hành về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.**

**1.1. Đánh giá các tiêu chí theo kiểm định chất lượng:**

**1.2. Đánh giá tiêu chí mức 1,2 và 3.**

| Tiêu chuẩn, tiêu chí | Kết quả | | | | Nội dung không đạt |
|---|---|---|---|---|---|
| | Không đạt | Đạt | | | |
| | | Mức 1 | Mức 2 | Mức 3 | |
| **Tiêu chuẩn 1** | | | | | |
| Tiêu chí 1.1 | | x | x | x | |
| Tiêu chí 1.2 | | x | x | Không có | |
| Tiêu chí 1.3 | | x | x | x | |
| Tiêu chí 1.4 | | x | x | x | |
| Tiêu chí 1.5 | | x | x | Không đạt | Sĩ số HS trên 40 *(QĐ không quá 40 HS/lớp)* |
| Tiêu chí 1.6 | | x | x | x | |
| Tiêu chí 1.7 | | x | x | Không có | |
| Tiêu chí 1.8 | | x | x | Không có | |
| Tiêu chí 1.9 | | x | x | Không có | |
| Tiêu chí 1.10 | | x | x | Không có | |
| **Tiêu chuẩn 2** | | | | | |
| Tiêu chí 2.1 | | x | x | x | |
| Tiêu chí 2.2 | | x | x | x | |
| Tiêu chí 2.3 | | x | x | x | |
| Tiêu chí 2.4 | | x | x | x | |
| **Tiêu chuẩn 3** | | | | | |
| Tiêu chí 3.1 | | x | x | Không đạt | Diện tích đạt 8,16$m^2$ *(QĐ ít nhất 10$m^2$ /HS)* |
| Tiêu chí 3.2 | | x | x | x | |
| Tiêu chí 3.3 | | x | x | x | |
| Tiêu chí 3.4 | | x | x | Không có | |
| Tiêu chí 3.5 | | x | x | Không đạt | Diện tích đạt 8,16 $m^2$ *(QĐ ít nhất 10$m^2$ /HS)* |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| Tiêu chí 3.6 | | x | x | Không đạt | *Thiết bị cũ, còn thiếu so với yêu cầu đổi mới của CTPT 2018* |
| **Tiêu chuẩn 4** | | | | | |
| Tiêu chí 4.1 | | x | x | x | |
| Tiêu chí 4.2 | | x | x | x | |
| **Tiêu chuẩn 5** | | | | | |
| Tiêu chí 5.1 | | x | x | x | |
| Tiêu chí 5.2 | | x | x | x | |
| Tiêu chí 5.3 | | x | x | Không có | |
| Tiêu chí 5.4 | | x | x | Không có | |
| Tiêu chí 5.5 | | x | x | x | |
| Tiêu chí 5.6 | | x | x | x | *HS bỏ học = 1% (QĐ bỏ học không quá 1%)* |

**Kết quả: Chưa đạt Mức 2**

**1.3. Đánh giá tiêu chí Mức 4**

| Tiêu chí | Kết quả | | Nội dung đã đạt |
|---|---|---|---|
| | Không đạt | Đạt | |
| Tiêu chí 1 | x | | Kế hoạch giáo dục tham khảo Chương trình giáo dục tiên tiến các nước trong khu vực và thế giới |
| Tiêu chí 2 | | x | |
| Tiêu chí 3 | | x | |
| Tiêu chí 4 | x | | Thư viện hệ thống hạ tầng CNTT hiện đại phù hợp tiêu chuẩn khu vực và quốc tế |
| Tiêu chí 5 | | x | |
| Tiêu chí 6 | | x | |

**Kết luận: Phấn đấu trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục: Cấp độ 1**

## 2. KẾ HOẠCH CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG SAU TỰ ĐÁNH GIÁ:

### 2.1. Về công tác chỉ đạo, tuyên truyền.

- Hoạt động tốt website nhà trường, thường xuyên tuyên truyền phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nà trường đến mọi tầng lớp nhân dân.

### 2.2. Kế hoạch triển khai thực hiện cải tiến nâng cao chất lượng các tiêu chí, tiêu chuẩn

| Tiêu chí | Ngọời thực hiện | Dự kiến kinh phí (*nếu có*) | Thời gian thực hiện | Giải pháp |
|---|---|---|---|---|
| | Hiệu trưởng nhà | | Các năm học 2022- | *- Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát* |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| **Tiêu chí 1.1** | trường<br><br>- GV phụ trách *website*<br>- *Ban Tuyên truyền, tuyển sinh.* | | 2023<br>2023-2024<br>2024-2025 | *triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng.*<br>*- Hoạt động tốt website nhà trường,*<br>*thường xuyên tuyên truyền phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường đến mọi tầng lớp nhân dân.*<br>*- Tiếp thu các góp ý rộng rãi của nhân dân trong huyện.* |
| **Tiêu chí 1.3** | Phó bí thư chi bộ<br>CT Công đoàn<br>Bí Thư đoàn | | Các năm học 2022-2023<br>2023-2024<br>2024-2025 | - Giữ vững Chi Bộ Đảng trong sach, vững mạnh, hoàn thành tốt và xuất sắc nhiệm vụ được giao<br>- Các đoàn thể xây dựng các tiêu chí thi đua cụ thể, công khai<br>- Phân công phụ trách các hoạt động chuyên biệt, trách chồng chéo, kiêm nhiệm.<br>- Tổ chức nhiều hoạt động ( nghiên cứu khoa học, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, tình nguyện, hướng nghiệp…)đóng góp hiệu quả trong hoạt động nhà trường và cộng đông. |
| **Tiêu chí 1.4** | -Các thành viên tổ văn phòng<br><br>- Tổ trưởng, nhóm trưởng chuyên môn | | | - Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động cụ thể, chi tiết, đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường. Hàng năm rà soát , đánh giá, điều chỉnh.<br>- Tổ chuyên môn tổ chức các chuyên đề chuyên môn , đổi mới PPDH hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng giáo dục<br>- Tạo điều kiện cho GV học nâng cao trình độ trên chuẩn, tham gia đầy đủ các buổi tập huấn. |
| **Tiêu chí 1.5** | -Phó hiệu trưởng | | Các năm học 2022-2023<br>2023-2024<br>2024-2025 | - Hàng năm sắp xếp cơ số học sinh trong mỗi lớp không có quá 40 học sinh (vừa phù hợp với nguyện vọng của HS và PHHS vừa phù hợp với mục tiêu, kế hoạch giáo dục của nhà trường về phân loại đối tượng HS) |
| **Tiêu** | - Hội đồng | | | - Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương. |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| **chí 1.6** | trường | | | - Học tập và áp dụng hiệu quả các phần mềm Kế toán chuyên phục vụ doanh |
| | | | | nghiệp FAST. |
| **Tiêu chí 2.1** | -Hiệu trưởng | | | - Hàng năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.<br>- Đồng chí Phó hiệu trưởng Nguyễn Thanh Tùng cần hoàn thiện chứng chỉ ngoại ngữ theo chuẩn vào năm 2022. |
| **Tiêu chí 2.2** | -Hiệu trưởng | | | Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch, tổ chức bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cho ĐNGV theo chuẩn nghề nghiệp GV cơ sở GD phổ thông. Tập huấn nâng cao về phương pháp tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho HS, hướng dẫn HS nghiên cứu KHKT. |
| **Tiêu chí 2.3** | Nhân viên | | | - Hằng năm, nhân viên được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm. |
| **Tiêu chí 2.4** | -GV quản lý các câu lạc bộ | | | - Nâng cao hiệu quả hoạt động của các câu lạc bộ ngoại khóa.<br>-Các câu lạc bộ ngoại khóa có HS tham gia thi các giải cấp thành phố, quốc gia.<br>- Hàng năm có giải KHKT cấp thành phố. Phấn đấu có giải KHKT cấp quốc gia.<br>- Tạo điều kiện cho HS ôn thi lấy chứng chỉ quốc tế MOS, IELTS.... |

**2.3. Giải pháp về chính sách (nguồn kinh phí)**

Nhà trường có trách nhiệm đầu tư tài chính, CSVC, văn phòng phẩm và các điều kiện khác để thu thập tư liệu, xây dựng và bảo quản bộ hồ sơ tự đánh giá theo đúng quy định.

## 3. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ NGOÀI VÀ CÔNG NHẬN TRƯỜNG ĐẠT KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG, ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA:

**3.1. Kết quả xây dựng trường chuẩn quốc gia***(nếu có)*

**3.2. Đánh giá chung.**

**a. Điểm mạnh**

- Trong 3 năm từ năm 2022 đến 2024 đều được Sở GD & ĐT có quyết định khen "Tập thể lao động Tiên Tiến".
- Luôn cố gắng tự đánh giá theo chuẩn Quốc gia.
- Đăng kí được thành phố được công nhận trường chuẩn Quốc gia cấp độ 1.

**b. Hạn chế.**

- Là trường mới thành lập và đi vào hoạt động từ tháng 10/2019.
- Trang thiết bị chưa đầy đủ theo Thông tư 14/2020/TT-BGDĐT.

**c. Nguyên nhân của hạn chế.**

- Do là trường Ngoài công lập không có sự đầu tư của nhà nước nên chưa có nhiều điều kiện thuận lợi để đầu tư trang thiết bị đầy đủ theo Thông tư 14/2020/TT-BGDĐT.

- Giải pháp: Nhằm đáp ứng mục tiêu giáo dục của nhà trường trong giai đoạn 2024-2026 và tầm nhìn 2025 – 2030. Lập kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường; Thầy và trò trường TH-THCS- THPT Edison tiếp tục tập trung sức lực, vật lực vào công tác tự đánh giá các tiêu chí chưa đạt được ở Mức 2, Mức 3...

## 4. KẾ HOẠCH XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA

**4.1. Mục tiêu: Mục tiêu đến tháng 12 năm 2026 đạt kiểm định cấp độ 1. Đạt chuẩn mức độ 1**

**4.2. Kế hoạch:**

**4.2.1. Năm học: 2024-2025.**

- Tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá
- Triển khai các văn bản về công tác kiểm định chất lượng:
- Thông qua Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá.
- Thông qua kế hoạch tự đánh giá của trường Th-THCS-THPT Edison.
- Hướng dẫn thu thập thông tin minh chứng.

**4.2.2. Năm học: 2025-2026.**

*** Học kì I năm học: 2025-2026.**

**- Dự kiến các minh chứng cần thu thập**

*+ Phân tích tiêu chí, tìm minh chứng*

Sau khi các nhóm công tác, cá nhân thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí; phân loại và mã hoá các minh chứng thu được. Hội đồng TĐG thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập Bảng danh mục mã minh chứng.

*+ Dự kiến các minh chứng cần thu thập*

Bảng danh mục mã minh chứng được trình bày bảng theo chiều ngang của khổ A4 (đóng thành quyển riêng) theo mẫu:

*Đối với Mức 1, Mức 2 và Mức 3*

| **Tiêu chuẩn, tiêu chí** | **Dự kiến các minh chứng cần thu thập** | **Nơi thu thập** | **Nhóm công tác, cá nhân thu thập** | **Dự kiến chi phí (Nếu có)** | **Ghi chú** |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | |

**- Dự kiến các nguồn lực (nhân lực, cơ sở vật chất, tài chính và các điều kiện liên quan khác và thời điểm cần huy động)**

**- Hướng dẫn cách viết phiếu đánh giá tiêu chí.**

**1.** Thảo luận về những vấn đề phát sinh từ các minh chứng thu được, những minh chứng cần thu thập bổ sung và các vấn đề liên quan đến hoạt động TĐG;

**2.** Các nhóm chuyên trách hoặc cá nhân báo cáo nội dung của từng Phiếu đánh giá tiêu chí với Hội đồng TĐG;

**3.** Chỉnh sửa, bổ sung các nội dung của Phiếu đánh giá tiêu chí (Trong đó đặc biệt chú ý đến kế hoạch cải tiến chất lượng)

**4.** Thu thập, xử lý minh chứng bổ sung (nếu có).

**5.** Dự thảo báo cáo TĐG

*** Học kì II năm học: 2025-2026.**

**1 .** Thông qua báo cáo TĐG đã chỉnh sửa, bổ sung.

**2 .** Công bố dự thảo báo cáo TĐG trong nội bộ trường;

**3 .** Thu thập các ý kiến đóng góp dự thảo báo cáo TĐG;

**4 .** Bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG theo các ý kiến góp ¬

**5 .** Tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung, đề xuất KH cải tiến chất lượng.

## 5. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

| Tổ chức thực hiện | Các hoạt động cụ thể |
|---|---|
| **Ban giám hiệu/các tổ chức đoàn thể** | 1. Họp lãnh đạo nhà trường để thảo luận dự kiến các thành viên Hội đồng TĐG, nhóm thư kí và các vấn đề có liên quan đến các hoạt động TĐG.<br>2. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng TĐG.<br>3. Triển khai họp Hội đồng TĐG:<br>- Công bố quyết định thành lập Hội đồng TĐG;<br>- Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong Hội đồng TĐG; phân công nhiệm vụ cụ thể, phù hợp cho các nhóm công tác và cá nhân;<br>- Dự kiến thuê chuyên gia tư vấn để giúp hội đồng TDG triển khai hoạt động TĐG (nếu có);<br>- Dự thảo và ban hành kế hoạch TĐG.<br>4. Phổ biến kế hoạch TĐG đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường và các bên liên quan.<br>5. Tổ chức hội thảo/tập huấn /hội nghị về nghiệp vụ TĐG toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường và các bên liên quan.<br>6. Thảo luận về những vấn đề phát sinh từ các minh chứng thu được, những minh chứng cần thu thập bổ sung và các vấn đề liên quan đến hoạt động TĐG;<br>7. Thông qua báo cáo TĐG đã chỉnh sửa, bổ sung.<br>8. Công bố dự thảo báo cáo TĐG trong nội bộ trường;<br>9. Thu thập các ý kiến đóng góp dự thảo báo cáo TĐG;<br>10. Bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG theo các ý kiến góp ¬<br>11. Tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung, đề xuất KH cải tiến chất lượng.<br>12. Gửi báo cáo TĐG và công văn trong đó có nội dung đã hoàn thành hoạt động tự đánh giá về Sở GD&ĐT.<br>13. Công bố bản báo cáo TĐG đã hoàn thiện.<br>14. Tổ chức bảo quản báo cáo TĐG, các minh chứng và tài liệu liên quan theo quy định.<br>15. Tổ chức thực hiện các KH cải tiến chất lượng theo từng giai đoạn.<br>16. Cập nhật lại báo cáo TĐG (nếu cần) trước khi thực hiện việc đăng ký đánh giá ngoài với cơ quan có thẩm quyền. |

| | |
|---|---|
| **Tổ nhóm Tổ chức thực hiện chuyên môn/cá nhân** | 1. Các nhóm công tác, cá nhân xác định nội hàm thực hiện phân tích tiêu chí, tìm minh chứng cho từng tiêu chí.<br>2. Phân loại và mã hoá các minh chứng thu được<br>3. Hội đồng TĐG thảo luận các minh chứng cho từng minh chứng đã thu thập được.<br>4. Lập bảng Danh mục mã minh chứng.<br>5. Các nhóm chuyên trách, cá nhân viết các Phiếu đánh giá tiêu chí.<br>6. Các nhóm chuyên trách hoặc cá nhân báo cáo nội dung của từng Phiếu đánh giá tiêu chí với Hội đồng TĐG;<br>7. Chỉnh sửa, bổ sung các nội dung của Phiếu đánh giá tiêu chí (Trong đó đặc biệt chú ý đến kế hoạch cải tiến chất lượng)<br>8. Thu thập, xử lý minh chứng bổ sung (nếu có).<br>9. Các thành viên của Hội đồng TĐG ký tên vào danh sách trong báo cáo TĐG; Hiệu trưởng ký tên, đóng dấu và ban hành; |

## V. CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TRƯỜNG TH-THCS- THPT EDISON – NĂM HỌC 2023 – 2024

*(Kèm theo Quyết định số 89/QĐ-THPTEDS ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Hiệu trưởng trường TH-THCS-THPT Edison)*

### 1. KẾT QUẢ TUYỂN SINH:

| Năm học | Chỉ tiêu | HS diện có thi CL | HS diện không thi |
|---|---|---|---|
| 2024-2025 | 450 | **350/450= 77.7%** | 100/450 = 22.3% |

### 2. THỐNG KÊ KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ GD&ĐT NĂM HỌC 2023 – 2024.

| STT | Nội dung | Tổng số | Chia ra theo khối lớp | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | Lớp 10 | Lớp 11 | Lớp 12 |
| **I.1** | **Số học sinh chia theo kết quả hạnh kiểm** *(áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011)* | **64** | | | **64** |
| 1 | Tốt<br>*(tỷ lệ so với tổng số)* | **64** | | | 64 |
| | | **100** | | | 100 |
| 2 | Khá<br>*(tỷ lệ so với tổng số)* | **0** | | | 0 |
| | | **0** | | | 0 |
| 3 | Trung bình<br>*(tỷ lệ so với tổng số)* | **0** | | | 0 |
| | | **0.0** | | | 0.0 |
| 4 | Yếu<br>*(tỷ lệ so với tổng số)* | **0** | | | 0 |
| | | **0.0** | | | 0.0 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| **I.2** | **Số học sinh chia theo kết quả rèn** | **723** | **399** | **260** | |
| | **luyện** *(áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021)* | | | | |
| 1 | Tốt<br>*(tỷ lệ so với tổng số)* | **620** | 369 | 251 | |
| | | **85.75** | 92.48 | 96.54 | |
| 2 | Khá<br>*(tỷ lệ so với tổng số)* | **39** | 30 | 9 | |
| | | **5.39** | 7.52 | 3.46 | |
| 3 | Đạt<br>*(tỷ lệ so với tổng số)* | **0** | 0 | 0 | |
| | | **0** | 0 | 0 | |
| 4 | Chưa đạt<br>*(tỷ lệ so với tổng số)* | **0** | 0 | 0 | |
| | | **0.0** | 0.0 | 0.0 | |
| **II. 1** | **Số học sinh chia theo kết quả học tập** *(áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011)* | **64** | | | **64** |
| 1 | Giỏi<br>*(tỷ lệ so với tổng số)* | **53** | | | 53 |
| | | **82.81** | | | 82.81 |
| 2 | Khá<br>*(tỷ lệ so với tổng số)* | **10** | | | 10 |
| | | **15.63** | | | 15.63 |
| 3 | Trung bình<br>*(tỷ lệ so với tổng số)* | **0** | | | 0 |
| | | **0.76** | | | 0.76 |
| 4 | Yếu<br>*(tỷ lệ so với tổng số)* | **1** | | | 1 |
| | | **1.56** | | | 1.56 |
| 5 | Kém<br>*(tỷ lệ so với tổng số)* | **0** | | | 0 |
| | | **0.0** | | | 0.0 |
| **II. 2** | **Số học sinh chia theo kết quả học tập** *(áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021)* | **659** | **399** | **260** | |
| 1 | Tốt<br>*(tỷ lệ so với tổng số)* | 187 | 122 | 65 | |
| | | 28.38 | 30.58 | 25 | |
| 2 | Khá | 321 | 188 | 133 | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | *(tỷ lệ so với tổng số)* | | | | |
| | | 48.71 | 47.12 | 51.15 | |
| 3 | Đạt<br>*(tỷ lệ so với tổng số)* | 130 | 76 | 54 | |
| | | 19.73 | 19.05 | 20.77 | |
| 4 | Chưa đạt<br>*(tỷ lệ so với tổng số)* | 21 | 13 | 8 | |
| | | 3.19 | 3.26 | 3.08 | |
| **III** | **Tổng hợp kết quả cuối năm** | **723** | **399** | **260** | **64** |
| 1 | Lên lớp<br>*(tỷ lệ so với tổng số)* | **718** | 396 | 258 | 64 |
| | | **99.3** | 99.2 | 99.2 | 100 |
| 1.1 | *áp dụng đối với học sinh được đánh giá* | | | | 64 |
| | *theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011* | | | | |
| a | Học sinh giỏi<br>*(tỷ lệ so với tổng số)* | | | | 55 |
| | | | | | 85.93 |
| b | Học sinh tiên tiến<br>*(tỷ lệ so với tổng số)* | | | | 9 |
| | | | | | 14.06 |
| 1.2 | *(áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT- BGDĐT ngày 20/7/2021)* | **723** | 399 | 260 | 64 |
| a | Học sinh xuất sắc<br>*(tỷ lệ so với tổng số)* | **9** | 7 | 2 | |
| | | **0.0** | 1.75 | 0.08 | |
| b | Học sinh giỏi<br>*(tỷ lệ so với tổng số)* | **173** | 108 | 65 | |
| | | **23.93** | 27.07 | 25.00 | |
| 2 | Thi lại/Học sinh kiểm tra, đánh giá lại các môn trong kỳ nghỉ hè<br>*(tỷ lệ so với tổng số)* | **6** | 4 | 2 | 0 |
| | | **0.83** | 1.00 | 0.77 | 0.0 |
| 3 | Lưu ban<br>*(tỷ lệ so với tổng số)* | **5** | 3 | 2 | 0 |
| | | **0.69** | 0.5 | 0.77 | 0.0 |
| 4 | Chuyển trường đi<br>*(tỷ lệ so với tổng số)* | **8** | 1 | 6 | 1 |
| | | **0.99** | 0.25 | 2.3 | 0.1 |
| 5 | Chuyển trường đến<br>*(tỷ lệ so với tổng số)* | **13** | 12 | 0 | 1 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | **1.8** | 0.3 | 0 | 0.1 |
| 6 | Bị đuổi học<br>*(tỷ lệ so với tổng số)* | **0** | 0 | 0 | 0 |
| | | **0.0** | 0.0 | 0.0 | 0.0 |
| 7 | Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học)<br>*(tỷ lệ so với tổng số)* | **17** | 5 | 10 | 2 |
| | | **2.35** | 1.25 | 3.8 | 3.12 |
| **IV** | **Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi** | | | | |
| 1 | Cấp huyện | | | | |
| 2 | Cấp thành phố | **5** | 0 | 4 | 1 |
| 3 | Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế | | | | |
| **V** | **Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp** | | | | 64 |
| **VI** | **Số học sinh được công nhận tốt nghiệp** | | | | 64 |
| 1 | Giỏi<br>*(tỷ lệ so với tổng số)* | | | | |
| | | | | | |
| 2 | Khá<br>*(tỷ lệ so với tổng số)* | | | | |
| | | | | | |
| 3 | Trung bình<br>*(Tỷ lệ so với tổng số)* | | | | |
| | | | | | |
| **VII** | **Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng**<br>(tỷ lệ so với tổng số) | | | | 100/100 |
| | | | | | 100 |
| **VIII** | **Số học sinh nam/số học sinh nữ** | | | | |
| **IX** | **Số học sinh dân tộc thiểu số** | **0** | 0 | 0 | |

**3. KẾT QUẢ HỌC SINH GIỎI NĂM HỌC 2023 – 2024:**

- Năm học 2023-2024 đạt 03 giải học sinh giỏi cấp thành phố:
  + 01 giải KK môn Lịch sử,
  + 02 giải Giải Ba Khoa học kỹ thuật cấp thành phố;

**4. KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP THPT 2024:**

**a.** Phân tích kết quả thi Tốt nghiệp THPT năm 2024:

- Chỉ tiêu nhà trường: 100%
- Kết quả đạt được : 100% (KQ Toàn thành phố = 99,66%)

| Môn | Tỷ lệ TTb trường | Điểm Tb Sở | Điểm Tb trường | Xếp thứ | So sánh |
|---|---|---|---|---|---|
| **Toán** | **84,12%** | **6,78** | **5,939** | **49/65** | Tăng 1 bậc |
| **Văn** | **100%** | **8,61** | **8,292** | **5/65** | Tăng 31 bậc |
| **Anh** | **53,96%** | **5.98** | **5,381** | **35/65** | Tăng 12 bậc |
| **Sử** | **100%** | **6.846** | **7,698** | **12/65** | Giữ nguyên |
| **Địa lí** | **100%** | **7.577** | **8,008** | **22/65** | Giảm 6 bậc |
| **GDCD** | **100%** | **8.609** | **9,121** | **4/65** | Tăng 12 bậc |

**b.** Bảng tổng hợp xếp hạng toàn thành phố Tỷ lệ đỗ tốt nghiệp THPT các năm:

| STT | Năm học | Số TS dự thi ( cả TS tự do) | Đỗ TN | | Trượt | XL TTP THPT | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | SL | TL(%) | | | XL 25 NCL |
| 1 | 2021-2022 | 419 + 01TD | 16/16 | 100% | 0 | 23/64 | 04/22 |
| 2 | 2022-2023 | 95 | 95/95 | 100% | 0 | 29/65 | 04/22 |
| 3 | 2023-2024 | 62 | 62/62 | 100% | 0 | 19/67 | 4/25 |

**VI. CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ TÀI CHÍNH TRƯỜNG TH-THCS- THPT EDISON – NĂM HỌC 2023 – 2024**

SỞ GD&ĐT HẢI PHÒNG
**TRƯỜNG TH-THCS- THPT EDISON**
Số: 96 /QĐ-THPTEDS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Kiến An, ngày 13 tháng 9 năm 2024*

# QUYẾT ĐỊNH
**Về việc công bố công khai các khoản thu năm học 2023-2024**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TH-THCS- THPT EDISON**

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Căn cứ Thông tư số 40/TT – BGD&ĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GD&ĐT về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường THCS, trường THPT và trường PT có nhiều cấp học loại hình tư thục; Công văn số 130/SGDĐT-TCCB ngày 19/01/2022 của Sở GD&ĐT về việc triển khai Thông tư 40/2021/TT– BGD&ĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GD&ĐT;

Căn cứ thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT về Ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống GD quốc dân; Văn bản hướng dẫn số 551/SGDĐT-TTr ngày 17/3/2022 của Sở GD&ĐT Hải Phòng về việc hướng dẫn thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Công bố công khai các khoản thu năm học 2023- 2024 của trường TH-THCS-THPT Edison (*có Phụ lục kèm theo)*

**Điều 2**. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các ông (bà) tổ trưởng văn phòng, kế toán, bộ phận tài vụ, các tổ chuyên môn và các phòng ban có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

***Nơi gửi***
- *Như điều 3 (để thực hiện);*
- *Lưu VT.*

**HIỆU TRƯỞNG**

**PHỤ LỤC CÁC KHOẢN THU NĂM HỌC 2024-2025**

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 40/TT – BGD&ĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GD&ĐT về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường THCS, trường THPT và trường PT có nhiều cấp học loại hình tư thục; Công văn số 130/SGDĐT-TCCB ngày 19/01/2022 của Sở GD&ĐT về việc triển khai Thông tư 40/2021/TT– BGD&ĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GD&ĐT;

Căn cứ thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD-ĐT về Ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống GD quốc dân; Văn bản hướng dẫn số 551/SGDĐT-TTr ngày 17/3/2022 của Sở GD&ĐT Hải Phòng về việc hướng dẫn thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục.

Căn cứ Hướng dẫn số 3051/HDLS-GDĐT-STC ngày 02/11/2020 về việc hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh từ bậc học mầm non đến trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng theo Nghị quyết 54/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố.

Tham khảo Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 09/9/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Căn cứ Điều lệ Ban đại diện cha me học sinh ban hành kèm theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ vào Nghị quyết cuộc họp giữa Ban đại diện CMHS và nhà trường ngày 05/8/2023 thỏa thuận, thống nhất về nội dung, mục đích các khoản thu và kế hoạch, nhiệm vụ năm học 2023 -2024;

Trường TH- THCS _THPT EDISON phối hợp với Ban Đại diện Cha mẹ học sinh nhà trường thống nhất các khoản thu trong năm học 2023-2024 như sau:

| TT | Nội dung thu | Số tiền | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| 1 | **Học phí:** Theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ học phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. | | |
| | **Lớp 10** | **10.000.000đ/HS/năm.** | **Học phí thu theo tháng** |
| | **Lớp 11** | **11.000.000đ /HS/năm.** | |
| | **Lớp 12** | **11.000.000đ/HS/năm.** | |
| 2 | **Vở học sinh** | 230.000đ/hs/năm | (6 quyển 200 trang,<br>10 quyển 100 trang) |
| 3 | **Sách giáo khoa** | Thu theo giá bìa sách, hs đk | Theo từng môn học lựa chọn |
| 4 | **Quần áo đồng phục** | | |
| | Áo đồng phục mùa hè ngắn tay | 110.000đ/chiếc | |
| | Quần đồng phục(Quần dài) | 150.000đ/chiếc | |
| | Áo đồng phục mùa hè dài tay | 130.000đ/chiếc | |
| | Áo đồng phục mùa đông 2 lớp | 250.000đ/ chiếc | |
| | Bộ đồng phục TDTT | 250.000đ/bộ | |
| 5 | **Tin nhắn ĐT** | 200.000đ/kì | |
| | **Bảo hiểm y tế năm 2024**: Theo công văn số 2494/UBND-VP ngày 19/8/2024 Về việc triển khai thực | | |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 6 | hiện chính sách Bảo hiểm y tế học sinh năm học 2024-2025.Theo công văn số 2471/SGDĐT-VP ngày 13/9/2024 Về việc triển khai thực BHYT học sinh năm học 2024-2025. | | |
| | **Thu khối 10,11=** Mức lương tối thiểu 1.800.000 x 4.5% x 70% x 12 tháng = 680.400đ / HS/năm. | **884.520đ/** HS/năm. | |
| | **Thu khối 12** = Mức lương tối thiểu 1.800.000 x 4.5% x 70% x 9 tháng 510.300đ/ **HS/9 tháng .** | **663.390đ/** HS/9 tháng | |
| 7 | **Thu trông coi xe đạp học sinh:** Theo Quyết định số 21/2017/QĐ-UBND ngày 03/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng | | |
| | Xe đạp điện /Xe máy điện | **60.000đ/tháng** | Thu theo thực tế học sinh đi xe học 2 buổi/ ngày |

**Ghi chú:** ***Từ năm học 2021-2022*** *Hội đồng nhân dân thành phố hỗ trợ học phí cho HS THPT (Cả HS ngoài công lập).*

- ***Đối tượng được hỗ trợ:*** *HS có hộ khẩu hoặc đăng kí tạm trú hoặc có xác nhận của cơ quan công an về việc thực tế sinh sống tại Hải Phòng.*
- ***Mức hỗ trợ học phí*** *bằng mức học phí được Hội đồng nhân dân thành phố quy định trên địa bàn cho từng cấp học theo từng năm học.*
- ***Hình thức hỗ trợ:*** *Hỗ trợ trực tiếp cho cha mẹ (hoặc người giám hộ) ký nhận tiền hỗ trợ (Nhà trường sẽ chuyển trực tiếp số tiền hỗ trợ học phí cho cha mẹ HS)*

*Kiến An, ngày 13 tháng 9 năm 2024*

**HIỆU TRƯỞNG**

## VII. CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC – TRƯỜNG TH-THCS-THPT EDISON NĂM HỌC 2023 – 2024

*(Kèm theo Quyết định số 89/QĐ-THPTEDS ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Hiệu trưởng trường TH-THCS-THPT Edison)*

**1. Nhà trường đã đẩy mạnh công tác tập huấn, bồi dưỡng thường xuyên để nâng cao phẩm chất, năng lực chuyên môn**, nghiệp vụ sư phạm, tinh thần trách nhiệm và hiệu quả rong công tác GD và dạy học của đội ngũ CBGVNV toàn trường. Tích cực khai thác Hệ hống học tập điện tử; Sử dụng SGK, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả và phù hợp với thực tiễn. Tích cục ứng dụng CNTT, khai thác ứng dụng công nghệ AI; triển khai thực hiện hiệu quả và thiết thực công tác chuyển đổi số trong công tác quản lý GD, dạy học, hoạt động GD và quản lý kết quả học tập và rèn luyện của HS.

**2. Nhà trường tiếp tục đầu tư CSVC theo chiều sâu, hiện đại**; Xây dựng phòng học thông minh, thư viện điện tử, hoạt động giáo dục STEM; Đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học theo hướng phát huy tính chủ động, linh hoạt và năng lực tự chủ, sáng tạo của tổ chuyên môn, giáo viên trong việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với tất cả các khối lớp, đặc biệt đối với lớp 12. Trong đó, tập trung thực hiện hiệu quả phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá nhằm phát huy phẩm chất, năng lực học sinh; Đa dạng hóa hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp, phát triển các kỹ năng cho học sinh;

**3. Thống nhất giữa các tổ chức trong trường chủ động, linh hoạt thực hiện kế hoạch năm học,** đảm bảo tính dân chủ, công khai, kỷ cương, nên nếp, chất lượng và hiệu quả cao; Chủ động phòng, chống cháy nổ và ứng phó với thiên tai, dịch bệnh, bảo đảm ANTT trường học.

**4. Xây dựng môi quan hệ phối hợp giữa nhà trường với CMHS**, tăng cường GDHS tự giác chấp hành Luật giao thông đường bộ; Tư vấn, hướng nghiệp và định hướng nghề nghiệp cho HS toàn trường. XD lớp học hạnh phúc, trường học hạnh phúc để HS thực sự cảm thấy hạnh phúc môi khi đên trường, góp phân giữ vững và phát huy truyền thống của nhà trường, có kết quả đầu ra luôn đứng trong TOP đầu khối trường THPT của TP HP.

***Nơi nhận:***
- Sở GDĐT (để b/c)
- UBND quận/huyện(để b/c) ;
- Phòng KTKĐCL(để b/c);
- Website trường;
- Lưu VT.

*Hải Phòng, ngày 27 tháng 9 năm 2024*

**HIỆU TRƯỞNG**

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP HẢI PHÒNG
TRƯỜNG TIỂU HỌC, TRUNG HỌC CƠ SỞ VÀ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG EDISON

**ThS.Vũ Thị Nháng**